

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CP KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN

Hôm nay, ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin, số 5 Phan Đình Giót - Thanh Xuân - Hà Nội, Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Về dự Đại hội có 29 cổ đông, đại diện cho 12.050.741 cổ phần chiếm 80,34% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (tỷ lệ tham dự Đại hội đã hội đủ điều kiện để tiến hành Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 theo quy định tại khoản 1 điều 19 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty hiện hành).

(Có danh sách các cổ đông tham dự Đại hội kèm theo biên bản này)

Các cổ đông đủ tư cách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 theo Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông do ông Nguyễn Đức Đoàn - Trưởng ban Kiểm tra tư cách cổ đông, trình bày trước Đại hội.

Chủ tọa điều hành Đại hội: Ông Phạm Tuấn Ngọc - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin.

Đại hội đã cử Ông Vũ Huy Phương – Thư ký Công ty làm Thư ký Đại hội, giúp việc cho thư ký là Bà Lê Minh Anh – Cán bộ pháp chế Công ty.

Đại hội đã diễn ra theo trình tự và bao gồm những nội dung sau đây:

1. Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội:

Đại hội đã nghe Ông Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tọa điều hành Đại hội trình bày nội dung Quy chế làm việc của Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%

2. Thông qua Chương trình nghị sự của Đại hội:

Đại hội đã nghe Ông Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tọa điều hành Đại hội thông báo Chương trình nghị sự Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Chương trình nghị sự Đại hội.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%

3. Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc tổng kết hoạt động SXKD năm 2022, kế hoạch SXKD năm 2023:

Đại hội đã nghe Ông Ngô Quang Trung – Tổng Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2022 và Kế hoạch SXKD của Công ty năm 2023.

Đại hội đã nhất trí thông qua kết quả SXKD trong năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	TH/KH (%)
1	Chỉ tiêu sản lượng				
1.1	Than nhập khẩu	Tấn	1.700.000	1.748.548	103
1.2	Than tiêu thụ, trong đó:	Tấn	8.325.000	9.387.831	118
	- Than pha trộn giao TKV để bán hộ Điện	Tấn	5.850.000	6.507.338	
	- Than giao lại TKV để bán hộ Đạm, XM, CTL	Tấn	475.000	236.589	
	- Than tự doanh	Tấn	2.000.000	3.330.492	
1.3	Than nhập mua của TKV về tuyến nâng cấp	Tấn	534.000	460.000	
2	Doanh thu tổng số:	Tr.đồng	14.850.701	24.839.014	167
2.1	Doanh thu than	"	14.779.701	24.748.914	
2.2	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"	50.000	76.061	
2.3	Doanh thu kinh doanh khác	"	21.000	14.039	
3	Giá vốn mua vào của hàng bán ra	Tr.đồng	13.906.317	23.820.930	171
4	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	944.384	1.018.084	108
4.1	Kinh doanh than	"	883.384	948.716	
4.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	50.000	61.807	
4.3	Kinh doanh khác	"	11.000	7.561	
5	Chi phí VC, bốc xếp bán hàng thuê ngoài	Tr.đồng	528.085	392.837	74
6	Giá trị sản xuất tính lương (trừ thuê ngoài)	Tr.đồng	416.299	625.247	150
6.1	Kinh doanh than	"	361.299	555.879	
6.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	50.000	61.807	
6.3	Kinh doanh khác	"	5.000	7.561	
7	Tổng chi phí SXKD trong kỳ:	Tr.đồng	819.384	723.546	88
7.1	Chi phí trung gian:	"	679.605	560.731	
	<i>Tr.đó: Chi phí V/C, BX bán hàng thuê ngoài:</i>	"	528.085	392.837	
7.2	Giá trị gia tăng:	"	139.779	162.815	
	- Khấu hao tài sản	"	10.216	7.722	
	- Tiền lương	"	105.000	134.372	128
	+ <i>Quỹ lương người lao động</i>	"	102.600	131.690	
	+ <i>Quỹ lương viên chức quản lý</i>	"	2.400	2.682	
	- Bảo hiểm; Thù lao HĐQT, BKS	"	10.200	10.675	
	- Thuế (trong giá thành)	"	14.363	10.046	
8	Tổng lợi nhuận:	Tr.đồng	60.000	243.842	
9	Các chỉ tiêu hướng dẫn về LĐ tiền lương				

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	TH/KH (%)
9.1	Đơn giá tiền lương:	đ/1000đ	246	211	
9.2	Lao động bình quân	Người	665	601	
	<i>Trong đó: Người lao động</i>	<i>Người</i>	<i>659</i>	<i>595</i>	
	<i>Viên chức quản lý (VCQL)</i>	<i>Người</i>	<i>6</i>	<i>6</i>	
9.3	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	13.158.000	18.632.000	142
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	13.158.000	18.632.000	
	- Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	12.974.000	17.596.000	
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	33.333.000	37.250.000	
10	Nộp ngân sách	Tr.đồng	Theo QĐ	875.379	
11	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	7.851	7.181	91
12	Tỷ lệ trả cổ tức	%/VĐL	≥ 10	20	200

Đạt được kết quả trên là do Công ty đã nhận thức được khó khăn, biết chủ động ứng biến linh hoạt, năng động trong kinh doanh và truyền thông của đơn vị, phát huy sức mạnh của tập thể người lao động để hoàn thành “mục tiêu kép”, vừa duy trì hiệu quả SXKD, vừa đảm bảo tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19.

Đại hội nhất trí thông qua Kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty với một số chỉ tiêu chính như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chỉ tiêu sản lượng		
1.1	Than nhập khẩu	Tấn	3.900.000
	<i>Trong đó: - Than nhập khẩu để pha trộn</i>	<i>"</i>	<i>2.500.000</i>
	<i>- Than nhập khẩu để bán cho các đơn vị pha trộn</i>		<i>1.400.000</i>
1.2	Than tiêu thụ, trong đó:	Tấn	12.410.000
	- Than pha trộn giao TKV để bán hộ Điện	Tấn	9.280.000
	- Than giao lại TKV để bán hộ Đạm	Tấn	480.000
	<i>Trong đó: + Đạm Hà Bắc:</i>	<i>"</i>	<i>180.000</i>
	<i>+ Đạm Ninh Bình:</i>	<i>"</i>	<i>300.000</i>
	- Than tự doanh	Tấn	1.250.000
	- Than nhập khẩu bán cho các đơn vị pha trộn	Tấn	1.400.000
1.3	Than nhập mua của TKV về tuyển nâng cấp	Tấn	500.000
2	Doanh thu tổng số:	Tr.đồng	31.809.747
2.1	Doanh thu than	"	31.738.747
2.2	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"	50.000
2.3	Doanh thu kinh doanh khác	"	21.000
3	Giá vốn mua vào của hàng bán ra	Tr.đồng	30.684.272
3.1	Kinh doanh than	"	30.674.272
3.2	Kinh doanh khác	"	10.000
4	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	1.125.474
4.1	Kinh doanh than	"	1.064.474

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
4.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	50.000
4.3	Kinh doanh khác	"	11.000
5	Chi phí vận chuyển, bốc xếp bán hàng thuê ngoài	Tr.đồng	570.078
5.1	Kinh doanh than	"	564.078
5.2	Chi phí giao nhận than hộ lớn	"	-
5.2	Kinh doanh khác	"	6.000
6	Giá trị sản xuất tính lương (trừ thuê ngoài)	Tr.đồng	555.396
6.1	Kinh doanh than	"	500.396
6.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	50.000
6.3	Kinh doanh khác	"	5.000
7	Tổng chi phí SXKD trong kỳ:	Tr.đồng	890.974
7.1	Chi phí trung gian:		721.598
	<i>Trong đó: Chi phí V/C, bốc xúc bán hàng thuê ngoài:</i>		570.078
7.2	Giá trị gia tăng (GDP):		169.376
	- Khấu hao tài sản	"	6.737
	- Tiền lương		134.769
	+ Quỹ lương người lao động	"	132.496
	+ Quỹ lương viên chức quản lý	"	2.273
	- Bảo hiểm, thù lao HDQT, BKS	"	10.700
	- Thuế (trong giá thành)	"	17.170
8	Tổng lợi nhuận:		105.000
9	Các chỉ tiêu hướng dẫn về lao động tiền lương	Tr.đồng	Theo chế độ
9.1	Đơn giá tiền lương: (đ/1.000đ GTSX không gồm thuê ngoài)	đ/1000đ	239
9.2	Lao động bình quân	Người	600
	<i>Trong đó: Người lao động</i>	<i>Người</i>	<i>595</i>
	<i>Viên chức quản lý (VCQL)</i>	<i>Người</i>	<i>5</i>
9.3	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	18.718.000
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	18.718.000
	- Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	18.557.000
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	37.882.000
10	Nộp ngân sách:	Theo qui định hiện hành	
11	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	34.590
12	Tỷ lệ trả cổ tức	%/VĐL	≥ 10

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%

4. Thông qua Báo cáo Tài chính được kiểm toán năm 2022; Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, phương án trả cổ tức năm 2022:

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Minh Hải - Thành viên HĐQT Công ty, trình bày Báo cáo Tài chính được kiểm toán của Công ty năm 2022; Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, phương án trả cổ tức năm 2022.

* Đại hội đã thảo luận và nhất trí thông qua Báo cáo Tài chính năm 2022 với các chỉ tiêu chính sau:

- Tổng tài sản : 2.268.814.172.508 đồng
- Tổng nguồn vốn : 2.268.814.172.508 đồng

Trong đó:


- + Vốn đầu tư của Chủ sở hữu : 150.000.000.000 đồng (Vốn điều lệ)
- + Vốn khác của Chủ sở hữu : 8.021.322.760 đồng
- + Quỹ đầu tư phát triển : 54.340.784.416 đồng
- + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 238.165.574.331 đồng

* Đại hội thống nhất Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022, cụ thể:

Stt	Nội dung	Số tiền (Triệu đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 chuyển sang	43.450
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2022	243.842
3	Chi phí loại trừ không được tính vào chi phí tính thuế	1.792
	- Các khoản chi phí loại trừ	1.792
	- Chi phí tài chính vượt theo NĐ 132/NĐ-CP năm 2021	0
4	Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN năm 2022	245.634
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) 20%	49.127
6	Tổng lợi nhuận còn lại phân phối tiếp	194.715
7	Trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu (20% vốn điều lệ)	30.000
8	Phần lợi nhuận còn lại phân phối tiếp	164.715
9	Trích Quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	58.415
10	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 3 lần tháng lương thực hiện của Công ty năm 2022 (Doanh nghiệp loại A):	29.502
	- Quỹ khen thưởng (40%):	11.801
	- Quỹ phúc lợi (60%):	17.701
11	Trích Quỹ thưởng Người quản lý Công ty (Bằng 1,5 lần tháng lương thực hiện của Người quản lý)	335
12	Lợi nhuận năm 2022 còn lại chuyển năm sau	76.463
13	Lợi nhuận lũy kế còn lại chưa phân phối chuyển năm sau	119.913

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%

5. Thông qua Báo cáo mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2022; Kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2023: 

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Minh Hải - Thành viên HĐQT Công ty trình bày Báo cáo mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2022, chi tiết như sau:

* Mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, BKS năm 2022:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin ngày 26 tháng 4 năm 2022, mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2022 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty
1	Chủ tịch HĐQT (thời gian làm việc 12 tháng)	01	5.140.000 đồng/tháng x 12 tháng = 61.680.000 đồng
2	Thành viên HĐQT (thời gian làm việc 12 tháng)	02	4.380.000 đồng/tháng x 12 tháng x 02 người = 105.120.000 đồng
3	Thành viên HĐQT (thời gian làm việc 04 tháng)	02	4.380.000 đồng/tháng x 04 tháng x 02 người = 35.040.000 đồng
4	Thành viên HĐQT (thời gian làm việc 08 tháng)	01	4.380.000 đồng/tháng x 08 tháng = 35.040.000 đồng
5	Thành viên HĐQT độc lập (thời gian làm việc 08 tháng)	01	21.900.000 đồng/tháng x 08 tháng = 175.200.000 đồng
6	Trưởng Ban kiểm soát (hoạt động chuyên trách)	01	(Hưởng lương chuyên trách theo hướng dẫn tại Quyết định số 1387/QĐ-TKV của TKV ngày 29/7/2019 và từ Quỹ lương viên chức quản lý của Công ty)
7	Thành viên BKS (thời gian làm việc 12 tháng)	02	4.380.000 đồng/tháng x 12 tháng x 02 người = 105.120.000 đồng
8	Thư ký Công ty (thời gian làm việc 12 tháng)	01	4.380.000 đồng/tháng x 12 tháng = 52.560.000 đồng

Tổng số tiền thù lao được hưởng của năm 2022 là: 569.760.000 đồng.

* Kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2023, cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Số lượng thành viên	Mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty
1	Chủ tịch HĐQT	01 người	25.700.000 đ x 20% = 5.140.000 đồng/tháng
2	Thành viên HĐQT	03 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng/tháng
3	Thành viên HĐQT độc lập	01 người	21.900.000 đồng/tháng (Hưởng phụ cấp theo hướng dẫn tại Quyết định số 1803/QĐ-TKV ngày 28/12/2021)
4	Trưởng Ban kiểm soát	01 người	22.900.000 đồng/tháng (Hưởng lương chuyên trách theo hướng dẫn tại Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019)

5	Thành viên BKS	02 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng/tháng
6	Thư ký Công ty	01 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng/tháng

Tổng mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2023 dự kiến là: 639.840.000 đồng

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%

6. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát thẩm định kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022; Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022:

Đại hội đã nghe bà Đặng Thị Hải Hà - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát thẩm định kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022; Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022.

Đại hội đánh giá nội dung Báo cáo là đúng, sát thực và chỉ ra những vấn đề trọng tâm, một số tồn tại sau kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán, đề nghị Công ty khắc phục.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%.

7. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2023.

Đại hội đã nghe bà Đặng Thị Hải Hà – Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2023.

Ban kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam là Công ty kiểm toán nằm trong danh sách được Bộ Tài Chính công nhận đủ điều kiện kiểm toán chấp nhận toàn phần cho các Công ty niêm yết, đã có kinh nghiệm kiểm toán trong Ngành Than để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2023.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%

8. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty năm 2022:

Đại hội đã nghe Ông Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc, cán bộ quản lý của Công ty năm 2022.

Đại hội đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2022 là tốt. HĐQT đã quản lý, điều hành Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước, của TKV và Điều lệ

Công ty. HĐQT đã tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2022 thông qua, tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất nên đã tạo ra sự ổn định, đồng bộ trong SXKD, phù hợp với thực tiễn, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh từ công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 đến các mặt hoạt động SXKD.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%

9. Thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

Đại hội đã nghe Ông Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày Tờ trình thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

9.1. Bổ sung mã ngành vào ngành, nghề kinh doanh của Công ty, cụ thể là:

Mã Ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết:</i> - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics; - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu.

9.2. Đại hội thống nhất giao Tổng giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các thủ tục liên quan đến việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty và sửa đổi, bổ sung tại Mục 2 “Ngành nghề kinh doanh của Công ty” thuộc Điều 4 của Điều lệ Công ty.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%.

10. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định ký kết hợp đồng, giao dịch với những người quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

Đại hội đã nghe Ông Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày Tờ trình về việc ủy quyền cho HĐQT quyết định ký kết hợp đồng, giao dịch với những người quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

Các cổ đông còn lại (trừ cổ đông đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam) có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 nhất trí thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty như sau:

10.1. Được chủ động quyết định các hợp đồng, giao dịch ghi tại mục (r), (s) của khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty và mục (b) của khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

10.2. Được ủy quyền lại cho Tổng giám đốc Công ty chủ động quyết định các hợp đồng, giao dịch ghi tại mục (r), (s) của khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty và mục (b) của khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội (trừ cổ đông đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam không tham gia biểu quyết).

- Không đồng ý: 0%

- Ý kiến khác: 0%.

11. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT được chủ động quyết định thay đổi kế hoạch SXKD năm 2023 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và môi trường kinh doanh.

Đại hội đã nghe Ông Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày Tờ trình về việc ủy quyền cho HĐQT được chủ động quyết định thay đổi kế hoạch SXKD năm 2022 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và môi trường kinh doanh.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội

- Không đồng ý: 0%

- Ý kiến khác: 0%.

12. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội:

Đại hội đã nghe ông Vũ Huy Phương - Thư ký Đại hội trình bày dự thảo Nghị quyết Đại hội.

Bản dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin đã được tất cả các cổ đông tham dự nhất trí thông qua với kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội

- Không đồng ý: 0%

- Ý kiến khác: 0%.

Đại hội nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội.

Đại hội kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 26 tháng 4 năm 2023.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI




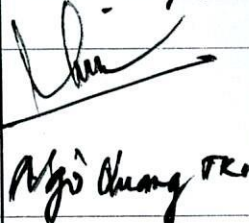
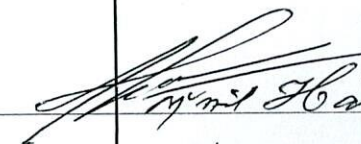
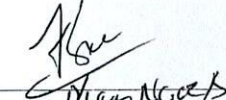
Vũ Huy Phương

CHỦ TOẠ ĐẠI HỘI




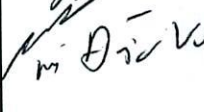


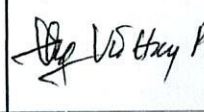
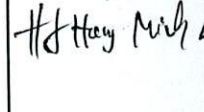







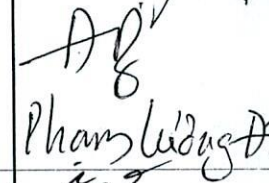

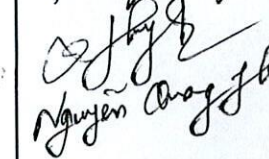
Phạm Tuấn Ngọc



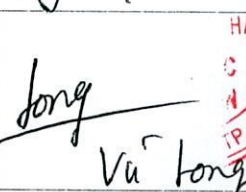

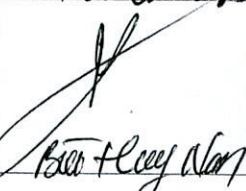
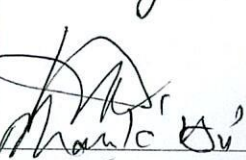
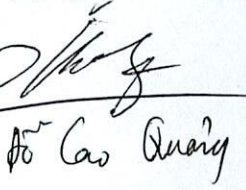
**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN
NGÀY 26 THÁNG 4 NĂM 2023**



TT	Họ và Tên	Địa chỉ	Số CMND/CCCD	% trên tổng số CP có quyền biểu quyết của Công ty	Tổng số cổ phần đại diện	Số cổ phần sở hữu của bản thân	Số cổ phần được ủy quyền	Ký xác nhận tham dự họp
	Tổng số			80,34%	12.050.741	148.382	11.902.359	
I	Cổ đông pháp nhân:			67,44%	10.116.000	-	10.116.000	
1	Phạm Tuấn Ngọc - Đại diện Tập đoàn TKV	Số 226, Đường Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội.	034068000051 cấp ngày 10/6/2014 Cục ĐKQLCT và DLQG về dân cư	67,44%	10.116.000		10.116.000	
II	Cổ đông thể nhân (Trong Công ty)			12,90%	1.934.741	148.382	1.786.359	
2	Ngô Quang Trung	P.Hồng gai, TP.Hạ Long, Quảng ninh	040071034067 cấp ngày 23/06/2021 Cục CS QLHC về TTXH cấp (CMND cũ: 100622246 cấp ngày 29/06/2007 CA Quảng Ninh)	0,21%	31.372	3.582	27.790	
3	Nguyễn Minh Hải	Phòng 306, VP2, Bán đảo Linh Đàm, Q.Hoàng Mai, Hà Nội.	031072009037 ngày 13/04/2021 Cục CS QLHC về TTXH cấp (013055437 cấp ngày 19/3/2008 CA Hà Nội.	0,08%	12.372	12.372		
4	Phạm Ngọc Bảo	Số 47A, ngõ 121, Thái Hà, Q.Đống Đa, Hà Nội	022067000017 cấp ngày 10/07/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp	0,05%	7.524	7.524		

M.S.D.N.

TT	Họ và Tên	Địa chỉ	Số CMND/CCCD	% trên tổng số CP có quyền biểu quyết của Công ty	Tổng số cổ phần đại diện	Số cổ phần sở hữu của bản thân	Số cổ phần được ủy quyền	Ký xác nhận tham dự họp
5	Đinh Công Nga	Số 11, Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	001053008893 cấp ngày 24/07/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp	0,08%	11.826	11.826		 Đinh Công Nga
6	Mạc Thị Thanh Vân	Căn 1209B tầng 12 Block B Tòa nhà HH02- Nhà ở cao tầng kết hợp DVTM Ecolakeview, Số 32 phố Đại Từ, P.Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội.	030176011342 cấp ngày 10/07/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp	0,04%	5.736		5.736	 Mạc Thị Thanh Vân
7	Nguyễn Thành Nam	Tổ dân phố số 5, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	022074002881 cấp ngày 15/04/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp	0,06%	8.958		8.958	 Nguyễn Thành Nam
8	Nguyễn Đức Vinh	Số 235, Mạc Thị Bưởi, TP Nam Định, Nam Định	036087012631 cấp ngày 21/04/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp (Số CMND cũ: 62861211 cấp ngày 02/7/2008 CA Nam Định).	0,02%	3.000	3.000		 Nguyễn Đức Vinh
9	Đặng Thị Hải Hà	Nhà 12 hẻm 1 ngách 44, ngõ 1, Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội	001171021575 cấp ngày 09/04/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp (Số CMND cũ: 011713591 cấp ngày 16/08/2007 CA Hà Nội).	0,08%	11.916	11.916		 Đặng Thị Hải Hà
10	Nguyễn Đức Đoàn	103, Q3, Tân Mai, Q. Hoàng Mai, Hà Nội.	001077036778 cấp ngày 24/06/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp (CMND cũ: 013165949 cấp ngày 20/03/2009)	0,04%	6.540	6.540		 Nguyễn Đức Đoàn
11	Vũ Huy Phương	Căn 1209B tầng 12 Block B Tòa nhà HH02- Nhà ở cao tầng kết hợp DVTM Ecolakeview, Số 32 phố Đại Từ, P.Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội.	022073004041 cấp ngày 15/04/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp	0,02%	3.310		3.310	 Vũ Huy Phương
12	Hoàng Minh Long	Tổ 4, Khu 4 B, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh.	022079004442 cấp ngày 10/08/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp	0,02%	3.714		3.714	 Hoàng Minh Long

TT	Họ và Tên	Địa chỉ	Số CMND/CCCD	% trên tổng số CP có quyền biểu quyết của Công ty	Tổng số cổ phần đại diện	Số cổ phần sở hữu của bản thân	Số cổ phần được ủy quyền	Ký xác nhận tham dự họp
13	Lê Trần Hiếu Nam	P1 K15 tổ 49B Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	001077011174 cấp ngày 31/12/2021 do Cục CS QLHC về TTXH	0,03%	4.296		4.296	 Lê Trần Hiếu Nam
14	Hoàng Minh Thảo	Tòa nhà HH2b Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	033086007996 cấp ngày 07/04/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp	0,02%	3.500		3.500	 Hoàng Minh Thảo
15	Trần Minh Tâm	Tổ 42 phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	034181001150 cấp ngày 25/04/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp	0,04%	5.432	5.432		 Trần Minh Tâm
16	Vũ Văn Mạnh	P902 H3 ĐTVH Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	034075007250 cấp ngày 22/11/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp	0,02%	3.582		3.582	 Vũ Văn Mạnh
17	Vũ Trọng Hiệu	06 Manhattan 08 Vinhomes, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	03474006666 cấp ngày 20/12/2022 do Cục CS QLHC về TTXH cấp	0,06%	9.462		9.462	 Vũ Trọng Hiệu
18	Phạm Lương Đồng	Khê Hôi, xã Hà Hôi, huyện Thường Tín, Hà Nội.	001080043462 cấp ngày 08/06/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp (CMND cũ: 111473208 cấp ngày 19/07/1997)	0,15%	22.764	22.764		 Phạm Lương Đồng
19	Lê Trung Cường	T,3 Long Thành A, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh	0022078002786 cấp ngày 20/12/2022 do Cục CS QLHC về TTXH cấp	0,08%	12.174		12.174	 Lê Trung Cường
20	Nguyễn Quang Huy	Tổ 8, Khu 8 Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh	022081004092 cấp ngày 22/12/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp	0,11%	16.848		16.848	 Nguyễn Quang Huy

TT	Họ và Tên	Địa chỉ	Số CMND/CCCD	% trên tổng số CP có quyền biểu quyết của Công ty	Tổng số cổ phần đại diện	Số cổ phần sở hữu của bản thân	Số cổ phần được ủy quyền	Ký xác nhận tham dự họp
21	Đỗ Chí Trung	T31, Khu 3, P.Cao Thắng, TP. Hạ Long, Quảng Ninh.	022071004696 cấp ngày 29/04/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp	1,35%	202.266		202.266	
22	Nguyễn Kiện Toàn	Tổ 9 phường Hoàng Văn Thu, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	037080009547 cấp ngày 11/08/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp (CMND cũ: 164087836 cấp ngày 13/06/2012)	1,81%	271.642	27.390	244.252	
23	Vũ Hữu Long	Tổ 10, Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	022076001134 cấp ngày 10/07/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp (CMND cũ: 100775732 cấp ngày 07/06/2006)	2,47%	370.422	15.000	355.422	
24	Lưu Quốc Anh	P 2404,CC 165A, Đường Thái Hà, phường Láng Hạ, Đống Đa.	038076000112 cấp ngày 16/1/2015 Cục ĐKQLCT và DLQG về dân cư	0,56%	84.576	2.148	82.428	
25	Bùi Huy Nam	Tổ 1A, khu I, P.Cao Xanh, TP.Hạ Long, Quảng Ninh.	02208100275 cấp ngày 08/06/20218 do Cục CS QLHC về TTXH cấp (CMND cũ: 100735623 cấp ngày 23/07/2012)	0,78%	117.330	9.678	107.652	
26	Phạm Khắc Đủ	Số 30, ngách 152, ngõ Xã Đàn 2, P.Nam Đồng, Q.Đống Đa, Hà Nội.	02208100275 cấp ngày 08/06/20218 do Cục CS QLHC về TTXH cấp (CMND cũ: 013367112 cấp ngày 23/11/2010 CA Hà Nội)	0,99%	148.230	2.400	145.830	
27	Đỗ Cao Quảng	Số nhà 125 đường 3, khu Đông Phát 1, phường Đông Vệ, TP Thanh Hoa, tỉnh Thanh Hoa	022084002516 cấp ngày 22/4/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp	2,24%	336.109		336.109	

TT	Họ và Tên	Địa chỉ	Số CMND/CCCD	% trên tổng số CP có quyền biểu quyết của Công ty	Tổng số cổ phần đại diện	Số cổ phần sở hữu của bản thân	Số cổ phần được ủy quyền	Ký xác nhận tham dự họp
28	Cao Quyết Thắng	Số 28 Nguyễn Khánh Toàn, P. Hưng Phúc, TP Vinh, Nghệ An	040068028912 cấp ngày 22/02/2022 do Cục CS QLHC về TTXH cấp	1,34%	200.490	6.810	193.680	
29	Đoàn Duy Ninh	Khu BT -Lô 3-4/03-151A, Nguyễn Đức Cảnh, Trưng Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	022087012153 cấp ngày 24/07/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp	0,13%	19.350		19.350	
III	Cổ đông thể nhân (Ngoài Công ty)			0,00%	-	-	-	

